CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349
Đ/c: Số 45, ngách 14/20, ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Thanh Liệt, TP Hà Nội
Đ/c PTN: Liền kề 16.31, KĐT Hinode Royal Park, xã Hoài Đức, TP. Hà Nội
Tel: 0936.175.507 Email: haticovietnam2016@gmail.com

HATICO VIỆT NAM

Số: 01811/2026/PKQ/26.688

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH VIỆT MỸ NAM ĐỊNH
Địa chỉ : Lô N5, đường D6, khu công nghiệp Hòa Xá, phường Thành Nam, tỉnh Ninh Bình
Địa điểm quan trắc : Lô N5, đường D6, khu công nghiệp Hòa Xá, phường Thành Nam, tỉnh Ninh Bình
Vị trí lấy mẫu : - KT.070226-009- Ống khói lò hơi số 1, tọa độ X=2259193, Y=566465 (KT1)
- KT.070226-010- Ống khói lò hơi số 2, tọa độ X=2259195, Y=566465 (KT2)
- KT.070226-011- Ống phóng không sau hệ thống xử lý mùi từ khu vực in, tọa độ X=2259203, Y=566457 (KT3)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 03
Ngày lấy mẫu : 07/02/2026 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 04/03/2026

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT1	KT2	Cột B, Cmax
1	Lưu lượng(b)	m^3/h	QT.KT.02.TESTO350	1.020	1.080	-
2	Bụi tổng (PM)(b)	mg/Nm^3	US EPA Method 05	18,6	19,3	***200***
3	CO(b)	mg/Nm^3	QT.KT.02.TESTO350	156,18	139,08	***1.000***
4	SO_2(b)	mg/Nm^3	QT.KT.02.TESTO350	2,62	10,48	***500***
5	Nitơ oxit, NOx (tính theo NO_2)(b)	mg/Nm^3	QT.KT.02.TESTO350	5,64	1,88	***850***

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 20: 2009/BTNMT
				KT3	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng(b)	m^3/h	QT.KT.02.TESTO350	9.720	-
2	Toluene(b)	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649: 2014	0,23	***750***
3	Benzene(b)	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649: 2014	KPH (MDL=0,02)	***5***

Ghi chú:

+ KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Quy chuẩn so sánh: (Áp dụng quy chuẩn so sánh theo nội dung giấy phép môi trường số 81/GPMT-UBND do UBND tỉnh Nam Định cấp ngày 13/01/2025)

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

+ **QCVN 19: 2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi v các chất vô cơ

- Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong thải công nghiệp đối với:

+ Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 0 năm 2007;

+ Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể tư ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ **Cmax**= C × Kp × Kv (với Kp=1 và Kv=1)

+ **QCVN 20: 2009/BTNMT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Khí thải Công nghiệp đối với một chất hữu cơ

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 20

TP. PHÒNG THỬ NGHIỆM	CÁN BỘ QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Duyên	Hoàng Thị Kim Anh	ThS. Nguyễn Văn Hòa

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.